

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Trạm Bê tông thương phẩm thuộc Công ty Sông Đà 9 theo Quyết định số 1302/QĐ-BXD ngày 18 tháng 10 năm 2002 và Quyết định số 1653/QĐ-BXD ngày 09 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Trạm Bê tông thương phẩm thuộc Công ty Sông Đà 9 - Doanh nghiệp Nhà nước thuộc Tổng Công ty Sông Đà thành Công ty Cổ phần.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0101334087 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 01 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 03 tháng 8 năm 2015.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: SONG DA INFRASTRUCTURE CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: SICO.,JSC.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Mã cổ phiếu: SDH.

Trụ sở chính của Công ty tại: Phòng 602, 607 Toà nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Vũ Văn Bảy	Chủ tịch
	Ông Lưu Tuấn Hùng	Thành viên
	Ông Phạm Ngọc Tuấn	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 27/5/2016)
	Ông Trần Đại Tùng	Thành viên
	Ông Đặng Văn Thăng	Thành viên
	Ông Nguyễn Văn Phúc	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27/5/2016)

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ gồm:

Ban Giám đốc	Ông Vũ Văn Bảy	Tổng Giám đốc
	Ông Lưu Tuấn Hùng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Ngọc Lộc	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Vũ Ngọc Long	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ để Báo cáo tài chính giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Vũ Văn Bầy
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2016

Số: 533/2016/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà, được lập ngày 12/8/2016, từ trang 04 đến trang 36 kèm theo, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/6/2016, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Phan Thanh Nam****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2015-137-1

Giấy Ủy quyền số: 17/2015/UQ-CPA VIETNAM ngày 05/10/2015 của Chủ tịch HĐQTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016

Mẫu B 01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2016	01/01/2016
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		306.804.231.235	321.569.973.658
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	153.121.840	150.281.261
1. Tiền	111		153.121.840	150.281.261
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		156.244.193.440	169.248.924.676
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	57.154.667.030	57.921.232.255
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	15.069.378.773	14.759.521.003
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	129.925.169.410	132.473.193.191
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(45.905.021.773)	(35.905.021.773)
IV. Hàng tồn kho	140	5.5	144.553.044.651	146.019.804.011
1. Hàng tồn kho	141		147.000.865.088	148.467.624.448
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.447.820.437)	(2.447.820.437)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.853.871.304	6.150.963.710
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	-	371.880.079
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.853.871.304	5.779.083.631
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		141.921.512.352	144.158.844.390
II. Tài sản cố định	220		28.409.639.150	32.132.535.666
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	27.497.722.741	30.238.868.770
- Nguyên giá	222		67.222.129.750	67.222.129.750
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(39.724.407.009)	(36.983.260.980)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.7	911.916.409	1.893.666.896
- Nguyên giá	225		1.874.977.273	3.284.068.182
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(963.060.864)	(1.390.401.286)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		45.114.044.366	43.824.500.546
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	45.114.044.366	43.824.500.546
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	67.891.168.234	67.891.168.234
1. Đầu tư vào công ty con	251		66.460.000.000	66.460.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		100.000.000	100.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.933.445.000	3.933.445.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.602.276.766)	(2.602.276.766)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		506.660.602	310.639.944
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	506.660.602	310.639.944
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		448.725.743.587	465.728.818.048

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016

Mẫu B 01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2016	01/01/2016
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		289.841.339.586	291.903.083.590
I. Nợ ngắn hạn	310		287.832.935.338	288.746.189.342
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	64.209.866.535	65.264.071.420
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		12.054.887.421	12.050.187.549
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	27.066.070.293	27.040.168.178
4. Phải trả người lao động	314		10.986.635.957	12.224.831.621
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	26.412.954.353	24.049.308.342
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.14	7.195.245.666	7.195.245.666
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	54.316.880.206	53.339.493.719
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	80.740.201.236	82.612.164.176
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		4.850.193.671	4.970.718.671
II. Nợ dài hạn	330		2.008.404.248	3.156.894.248
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.17	1.403.200.000	1.403.200.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	605.204.248	1.753.694.248
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		158.884.404.001	173.825.734.458
(400 = 410+430)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.18	158.884.404.001	173.825.734.458
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		209.500.000.000	209.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		209.500.000.000	209.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		650.501.870	650.501.870
4. Cổ phiếu-quỹ	415		(7.525.875.398)	(7.525.875.398)
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.964.819.495	15.964.819.495
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(59.705.041.966)	(44.763.711.509)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(44.763.711.509)	(21.498.010.637)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(14.941.330.457)	(23.265.700.872)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		448.725.743.587	465.728.818.048
(440 = 300+400)				

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Bùi Thị Thanh Hương

Chu Thị Ánh

Vũ Văn Bảy

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016

Mẫu B 02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016

CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ hoạt động	Kỳ hoạt động
			từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	4.824.054.973	21.761.685.085
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		4.824.054.973	21.761.685.085
4. Giá vốn hàng bán	11	5.20	5.232.107.493	23.194.123.853
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		(408.052.520)	(1.432.438.768)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	629.667.299	6.941.672.049
7. Chi phí tài chính	22	5.22	3.484.250.779	2.325.287.589
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.484.250.779	2.325.287.589
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.23	11.417.709.597	2.438.372.338
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		(14.680.345.597)	745.573.354
11. Thu nhập khác	31	5.24	572.727.273	-
12. Chi phí khác	32	5.24	833.712.133	605.806.000
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(260.984.860)	(605.806.000)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		(14.941.330.457)	139.767.354
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.25	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(14.941.330.457)	139.767.354

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Bùi Thị Thanh Hương



Chu Thị Ánh



Vũ Văn Bảy

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016

CHỈ TIÊU	MS	Kỳ hoạt động	Kỳ hoạt động
		từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(14.941.330.457)	139.767.354
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	2.889.184.383	2.979.422.780
- Các khoản dự phòng	03	10.000.000.000	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(629.667.299)	(6.941.672.049)
- Chi phí lãi vay	06	3.484.250.779	2.325.287.589
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	802.437.406	(1.497.194.326)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	2.929.943.563	6.799.005.913
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	1.466.759.360	9.538.704.990
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	296.139	(11.178.636.500)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	175.859.421	461.510.931
- Tiền lãi vay đã trả	14	(128.210.926)	(1.919.454.626)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(8.196.830)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.247.084.963	2.195.739.552
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(845.454.557)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	630.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	629.667.299	6.941.672.049
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	414.212.742	6.941.672.049
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền thu từ cho vay	33	292.000.000	744.507.075
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.870.602.126)	(10.565.877.557)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	(2.079.855.000)	(287.122.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5.658.457.126)	(10.108.492.982)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	2.840.579	(971.081.381)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	150.281.261	1.122.322.009
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	153.121.840	151.240.628

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Bùi Thị Thanh Hương

Chu Thị Ánh

Vũ Văn Bảy

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Trạm Bê tông thương phẩm thuộc Công ty Sông Đà 9 theo Quyết định số 1302/QĐ-BXD ngày 18 tháng 10 năm 2002 và Quyết định số 1653/QĐ-BXD ngày 09 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Trạm Bê tông thương phẩm thuộc Công ty Sông Đà 9 - Doanh nghiệp Nhà nước thuộc Tổng Công ty Sông Đà thành Công ty Cổ phần.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0101334087 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 01 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 03 tháng 8 năm 2015.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: SONG DA INFRASTRUCTURE CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: SICO.,JSC.

Trụ sở chính của Công ty tại: Phòng 602, 607 Toà nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15 là: 209.500.000.000 VND.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Mã cổ phiếu: SDH.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, bê tông thương phẩm;
- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm cơ khí phục vụ trong ngành xây dựng, giáo dục và y tế;
- Sản xuất, kinh doanh thiết bị trong lĩnh vực trường học, giáo dục, y tế, thiết bị nghiên cứu khoa học và thí nghiệm ;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao, chi tiết;
- Sản xuất lắp đặt các cấu kiện bê tông, kết cấu thép, ;
- Sản xuất kinh doanh bê tông thương phẩm;
- Sản xuất xi măng;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại, chi tiết: sản xuất kết cấu thép;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, chi tiết: Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, buu điện, các công trình thủy lợi, giao thông, đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình đường dây, trạm biến thế đến 110 KV;
- Hoạt động chuyên dụng khác, chi tiết: Thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình xây dựng cấp thoát nước, lắp đặt các đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng, chi tiết: Trang trí nội thất, trang trí ngoại thất công trình;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại, chi tiết: gia công lắp đặt khung nhôm kính các loại;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: kinh doanh nguyên, nhiên vật liệu, vật tư thiết bị, phụ tùng, máy xây dựng;
- Kinh doanh thiết bị máy móc, nguyên vật liệu sản xuất bao bì và vi ấn;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Xuất nhập khẩu nguyên, nhiên vật liệu, vật tư thiết bị, phụ tùng máy xây dựng;
- Nhận uỷ thác đầu tư cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;
- Xuất nhập khẩu thiết bị máy móc nguyên vật liệu sản xuất bao bì và in ấn bao bì;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu, chi tiết: sản xuất kinh doanh que hàn;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh phát triển nhà, khu đô thị và khu công nghiệp, cho thuê văn phòng, nhà ở, kho bãi, nhà xưởng, bãi đỗ xe, đầu tư xây dựng công viên, kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất truyền tải và phân phối điện, chi tiết: sản xuất và kinh doanh điện;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: tư vấn giám sát xây dựng (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp)**

- Thiết kế kết cấu: Đối với công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, Chi tiết: Kinh doanh khách sạn, (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Nhà hàng ăn uống phục vụ lưu động, chi tiết: Kinh doanh nhà hàng và các dịch vụ ăn uống giải khát, dịch vụ vui chơi giải trí (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, chi tiết: Mua bán xi măng;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu, chi tiết kinh doanh, khai thác chế biến các loại khoáng sản;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng dầu, mỡ nhờn, khí đốt;
- Giáo dục nghề nghiệp, chi tiết: Đào tạo, dạy nghề công nhân kỹ thuật chuyên ngành xây dựng và công nghệ thông tin (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan thẩm quyền Nhà nước cho phép);
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ, chi tiết: Dịch vụ vận tải hàng hoá bằng ô tô theo hợp đồng;
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề, chi tiết: Quản lý điều hành công viên, khu vui chơi giải trí công cộng
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động, chi tiết: Cung ứng và quản lý lao động đi làm việc ở nước ngoài (doanh nghiệp chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: xây lắp hạ tầng, sản xuất bê tông thương phẩm, cho thuê máy móc thiết bị.

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2016, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết và Đơn vị trực thuộc như sau:

	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con			
- Công ty Cổ phần đầu tư Sico	Đầu tư, Xây dựng công trình	51%	51%
- Công ty Cổ phần Sico Yên Hoà	Xây dựng, kinh doanh bất động sản	70%	70%
- Công ty TNHH Sico Đồng Bằng	Xây dựng công trình kỹ thuật, dân dụng	53%	53%
- Công ty Cổ phần Sông Đà Đồng Nai	Hoạt động kinh doanh thương mại và dịch vụ	55%	55%
Công ty liên kết			
- BQL Dự án Yên Hòa	Xây dựng, kinh doanh BDS		
Đơn vị trực thuộc			
- Xí nghiệp XL và sản xuất vật liệu XD số 1	Sản xuất vật liệu xây dựng		
- Xí nghiệp Xây lắp Sico 5	Xây dựng công trình		
- Xí nghiệp Xây lắp Sico 6	Xây dựng công trình		

2. NĂM TÀI CHÍNH/KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính/Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm các loại chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể các chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời), như: Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán; Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác;

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp)

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá trị ghi sổ theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại;
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2016

(Số năm)

Nhà cửa vật kiến trúc	07 - 28
Máy móc thiết bị	04 - 08
Phương tiện vận tải	06 - 08
Dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản khác	04

Nguyên tắc kế toán thuê tài chính

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng Cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây). Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán thuê tài chính (Tiếp)

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê (đối với chi phí giàn giáo, cốppha, giá trị công cụ dụng cụ...), theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 3 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả (Tiếp)

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ;
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Trong năm 2015 có 4.069.616.016,00 đồng, 6 tháng năm 2016 có 1.019.380.182 đồng chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào tài sản dở dang của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí trích trước tiền đóng cọc thi công công trình xây dựng
- Chi phí lãi vay Ngân hàng
- Chi phí khác

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo trường hợp sau:

- (i) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí cho thuê kho, bến bãi) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 22% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh..

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các Công ty con của công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016 Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực đồng nhất, không có bộ phận hoạt động kinh doanh khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền mặt	140.067.651	139.741.159
Tiền gửi ngân hàng	13.054.189	10.540.102
Tổng	153.121.840	150.281.261

5.2 Phải thu của khách hàng*Đơn vị tính VND*

	30/6/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Phải thu khách hàng ngắn hạn				
Công ty CP Xi măng Hạ Long	9.816.648.936	2.914.301.223	10.172.742.161	2.914.301.223
Công ty CP thiết bị công nghiệp & xây dựng	2.056.439.545	1.624.587.240	2.056.439.545	1.624.587.240
Công ty Kỹ thuật nền móng & xây dựng 20 (Licogi 20)	1.355.398.872	-	1.355.398.872	-
Công ty TNHH sắt thép Ngọc Biển	12.738.875.900	-	12.738.875.900	-
Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế & XD FDC	1.700.000.000	-	1.700.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư XD Hoàng Cường	1.946.181.526	-	1.946.181.526	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Cường	11.524.394.738	4.500.000.000	11.524.394.738	-
Công ty CP XD và Xử lý nền móng công trình	1.531.838.316	-	1.531.838.316	-
Các đối tượng khác	14.484.889.197	4.832.295.112	14.895.361.197	4.832.295.112
Tổng	57.154.667.030	13.871.183.575	57.921.232.255	9.371.183.575

5.3 Trả trước cho người bán*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng thu hồi	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng thu hồi
Công ty Cổ phần Đầu tư Sico	1.004.506.250	1.004.506.250	1.004.506.250	1.004.506.250
Tổng Công ty Xuất nhập khẩu Việt Nam	2.700.000.000	2.700.000.000	2.700.000.000	2.700.000.000
Các khoản khác	11.364.872.523	11.364.872.523	11.055.014.753	11.055.014.753
Tổng	15.069.378.773	15.069.378.773	14.759.521.003	14.759.521.003

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.4 Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	30/6/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	129.925.169.410	32.033.838.198	132.473.193.191	26.533.838.198
- Phải thu khác	98.754.817.142	27.576.985.017	120.191.050.583	22.076.985.017
Công ty Cổ phần đầu tư Sico	4.243.998.580	-	4.980.885.488	-
Công ty Cổ phần Sico Yên Sơn	4.774.006.638	4.715.940.446	4.829.063.663	4.715.940.446
Công ty TNHH Sico Đồng Bằng	4.718.940.446	-	4.718.940.446	-
Tiền đền bù giải phóng mặt bằng Dự án Yên Phong II	15.510.433.890	-	15.510.433.890	-
Ban quản lý dự án Yên Phong II	9.604.614.236	-	9.604.614.236	-
Phùng Thu Hà	35.236.108.022	15.813.007.226	35.236.108.022	10.313.007.226
Phạm Trung Thành (Công ty CP Sico Yên Sơn)	7.100.000.000	5.880.000.000	7.100.000.000	5.880.000.000
Các đối tượng khác	17.566.715.330	1.168.037.345	38.211.004.838	1.168.037.345
- Tạm ứng	31.170.352.268	4.456.853.181	12.282.142.608	4.456.853.181
Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	129.925.169.410	32.033.838.198	132.473.193.191	26.533.838.198

Nợ xấu

Đơn vị tính VND

	30/6/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	101.827.823.901	55.922.802.128	102.183.917.126	66.278.895.353
<i>Trong đó:</i>				
	Quá hạn 1-30 ngày	Quá hạn 31-60 ngày	Quá hạn 61-90 ngày	Quá hạn trên 90 ngày
Công ty CP xi măng Hạ Long	-	-	-	9.816.648.936
Công ty TNHH sắt thép Ngọc Biển	-	-	-	12.738.875.900
Chi Nhánh Công ty CP Tập Đoàn Nam Cường	-	-	-	11.524.394.738
Tiền bán CP tại Công ty CP Sico Yên Sơn	-	-	-	7.100.000.000
Tiền đền bù GPMB - DA Yên Phong II	-	-	-	15.510.433.890
Công ty TNHH Sico Đồng Bằng	-	-	-	4.718.940.446
Các đối tượng khác	-	-	-	40.418.529.991

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.5 Hàng tồn kho*Đơn vị tính VND*

	30/6/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	10.352.561.409	-	10.352.561.409	-
Công cụ, dụng cụ	96.995.627	-	96.995.627	-
Chi phí SX KDDD	136.530.800.090	2.447.820.437	137.997.559.450	2.447.820.437
Thành phẩm	20.507.962	-	20.507.962	-
Tổng	147.000.865.088	2.447.820.437	148.467.624.448	2.447.820.437

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ
 Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.6 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2016	3.547.182.625	60.782.085.458	1.306.291.853	335.804.644	1.250.765.170	67.222.129.750
Tăng trong kỳ	-	1.409.090.909	-	-	-	1.409.090.909
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	1.409.090.909	-	-	-	1.409.090.909
Giảm trong kỳ	-	1.409.090.909	-	-	-	1.409.090.909
Thanh lý, nhượng bán	-	1.409.090.909	-	-	-	1.409.090.909
Số dư tại 30/6/2016	3.547.182.625	60.782.085.458	1.306.291.853	335.804.644	1.250.765.170	67.222.129.750
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2016	1.204.661.337	33.211.828.630	980.201.199	335.804.644	1.250.765.170	36.983.260.980
Tăng trong kỳ	70.943.652	3.175.704.577	69.876.576	-	-	3.316.524.805
Khấu hao trong kỳ	70.943.652	2.612.068.225	69.876.576	-	-	2.752.888.453
Do mua lại TSCĐ thuê Tài chính	-	563.636.352	-	-	-	563.636.352
Giảm trong kỳ	-	575.378.776	-	-	-	575.378.776
Thanh lý, nhượng bán	-	575.378.776	-	-	-	575.378.776
Số dư tại 30/6/2016	1.275.604.989	35.812.154.431	1.050.077.775	335.804.644	1.250.765.170	39.724.407.009
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2016	2.342.521.288	27.570.256.828	326.090.654	-	-	30.238.868.770
Tại 30/6/2016	2.271.577.636	24.969.931.027	256.214.078	-	-	27.497.722.741

Trong đó:

Công ty đã thế chấp tài sản với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là: 26.803.560.588 VND (năm 2015 là: 32.243.216.192 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của thiết bị văn phòng bao gồm các thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là: 8.677.270.209 VND (năm 2014 là: 5.776.459.090 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.7 Tài sản cố định thuê tài chính

Đơn vị tính VND

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2016	2.159.090.909	1.124.977.273	3.284.068.182
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	1.409.090.909	-	1.409.090.909
Mua lại tài sản thuê tài chính	1.409.090.909	-	1.409.090.909
Số dư tại 30/6/2016	750.000.000	1.124.977.273	1.874.977.273
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2016	793.068.193	597.333.093	1.390.401.286
Tăng trong kỳ	48.484.850	87.811.080	136.295.930
Khấu hao trong kỳ	48.484.850	87.811.080	136.295.930
Giảm trong kỳ	563.636.352	-	563.636.352
Mua lại tài sản thuê tài chính	563.636.352	-	563.636.352
Số dư tại 30/6/2016	277.916.691	685.144.173	963.060.864
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2016	1.366.022.716	527.644.180	1.893.666.896
Tại 30/6/2016	472.083.309	439.833.100	911.916.409

5.8 Tài sản dở dang dài hạn

	30/6/2016 VND	01/01/2016 VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
Dự án KCN Yên Phong II - Bắc Ninh	38.576.862.858	37.287.319.038
Dự án số 5 Lạc Long Quân	5.300.000.000	5.300.000.000
Các công trình khác	1.237.181.508	1.237.181.508
Tổng	45.114.044.366	43.824.500.546

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ
 Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5.9 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị tính VND

	Tỷ lệ		30/6/2016			01/01/2016		
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con			66.460.000.000	63.857.723.234	(2.602.276.766)	66.460.000.000	63.857.723.234	(2.602.276.766)
Công ty Cổ phần Đầu tư Sico	51%	51%	15.300.000.000	12.697.723.234	(2.602.276.766)	15.300.000.000	12.697.723.234	(2.602.276.766)
Công ty Cổ phần Sico Yên Hoà	70%	70%	4.200.000.000	4.200.000.000	-	4.200.000.000	4.200.000.000	-
Công ty TNHH Sico Đồng Bằng	53%	53%	8.000.000.000	8.000.000.000	-	8.000.000.000	8.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà Đồng Nai	55%	55%	38.960.000.000	38.960.000.000	-	38.960.000.000	38.960.000.000	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết			100.000.000	100.000.000	-	100.000.000	100.000.000	-
BQL Dự án Yên Hòa			100.000.000	100.000.000	-	100.000.000	100.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác			3.933.445.000	3.933.445.000	-	3.933.445.000	3.933.445.000	-
Công ty Cổ phần ĐT SICO Thảo Điền			2.249.625.000	2.249.625.000	-	2.249.625.000	2.249.625.000	-
Công ty Cổ phần TM Nam Sài Gòn			1.540.000.000	1.540.000.000	-	1.540.000.000	1.540.000.000	-
BQL DA số 5 Lạc Long Quân			143.820.000	143.820.000	-	143.820.000	143.820.000	-
Tổng			70.493.445.000	67.891.168.234	(2.602.276.766)	70.493.445.000	67.891.168.234	(2.602.276.766)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5.10 Chi phí trả trước

	30/6/2016 VND	01/01/2016 VND
Ngắn hạn	-	371.880.079
Chi phí khác	-	371.880.079
Dài hạn	506.660.602	310.639.944
Công cụ dụng cụ xuất dùng thi công công trình	487.458.516	301.887.858
Các khoản khác	19.202.086	8.752.086
Tổng	506.660.602	682.520.023

5.11 Phải trả người bán

Đơn vị tính VND

	30/6/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	64.209.866.535	64.209.866.535	65.264.071.420	65.264.071.420
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	2.102.654.248	2.102.654.248	2.102.654.248	2.102.654.248
Ban điều hành Dự án Xi măng Hạ Long	6.009.454.700	6.009.454.700	6.009.454.700	6.009.454.700
Công ty Cổ phần Đầu tư & XD Việt Kiến Minh	10.032.983.840	10.032.983.840	10.032.983.840	10.032.983.840
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thiên Lộc	2.039.932.000	2.039.932.000	2.039.932.000	2.039.932.000
Công ty Cổ phần địa ốc Ngọc Biển	7.585.634.250	7.585.634.250	7.585.634.250	7.585.634.250
Công ty TNHH TM&XD Thu Ngân	2.178.825.700	2.178.825.700	2.178.825.700	2.178.825.700
Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Á Châu	2.150.000.000	2.150.000.000	2.150.000.000	2.150.000.000
Công ty Cổ phần XD & SX VL Cầu Đa Phúc	3.374.070.000	3.374.070.000	3.374.070.000	3.374.070.000
Các đối tượng khác	28.736.311.797	28.736.311.797	29.790.516.682	29.790.516.682
b. Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	64.209.866.535	64.209.866.535	65.264.071.420	65.264.071.420

5.12 Thuế và các khoản phải nộp

Đơn vị tính VND

	01/01/2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2016
	Phải nộp	27.040.168.178	495.902.115	470.000.000
Thuế giá trị gia tăng	11.626.915.945	490.902.115	174.336.909	11.943.481.151
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.836.789.610	-	-	13.836.789.610
Thuế thu nhập cá nhân	945.211.460	-	-	945.211.460
Thuế tài nguyên	59.109.662	-	-	59.109.662
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	560.549.975	5.000.000	295.663.091	269.886.884
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	11.591.526	-	-	11.591.526

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5.13 Chi phí phải trả

	30/6/2016 VND	01/01/2016 VND
Ngắn hạn	26.412.954.353	24.049.308.342
Lãi vay ngân hàng	5.229.519.781	2.865.873.770
Công ty TNHH TMXD Phát Tài Lộc	2.503.012.987	2.073.012.987
Chi phí kiểm toán	525.000.000	525.000.000
Chi phí trích trước các công trình	17.838.330.676	18.253.728.929
Chi phí khác	317.090.909	331.692.656
Dài hạn	-	-
Tổng	26.412.954.353	24.049.308.342

5.14 Doanh thu chưa thực hiện

	30/6/2016 VND	01/01/2016 VND
Ngắn hạn	7.195.245.666	7.195.245.666
Doanh thu nhận trước	7.195.245.666	7.195.245.666
Dài hạn	-	-
Tổng	7.195.245.666	7.195.245.666

5.15 Phải trả khác

	30/6/2016 VND	01/01/2016 VND
Ngắn hạn	54.316.880.206	53.339.493.719
Kinh phí công đoàn	838.916.317	828.086.256
Bảo hiểm xã hội	3.571.696.241	3.359.606.085
Bảo hiểm y tế	312.170.105	270.751.463
Bảo hiểm thất nghiệp	240.335.316	222.897.383
Phải trả, phải nộp khác	49.353.762.227	48.658.152.532
<i>Công ty Cổ phần Sico Yên Hoà</i>	<i>5.400.000.000</i>	<i>5.400.000.000</i>
<i>Công ty cổ phần Sông Đà Đồng Nai - lãi vay</i>	<i>2.238.197.839</i>	<i>2.017.683.384</i>
<i>Công ty cổ phần Sông Đà Đồng Nai - góp vốn hợp tác kinh doanh Khu công nghiệp Yên Phong</i>	<i>25.000.000.000</i>	<i>25.000.000.000</i>
<i>Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Cường</i>	<i>4.472.062.426</i>	<i>4.472.062.426</i>
<i>Lãi vay cá nhân phải trả</i>	<i>-</i>	<i>283.684.852</i>
<i>Tiền vật tư theo hợp đồng</i>	<i>1.671.544.177</i>	<i>1.671.544.177</i>
<i>Công ty CP đầu tư XDHT và đô thị NTA</i>	<i>2.650.000.000</i>	<i>2.650.000.000</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>7.921.957.785</i>	<i>7.163.177.693</i>
Dài hạn	-	-
Tổng	54.316.880.206	53.339.493.719

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ
 Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5.16 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính VND

a. Vay	30/6/2016		Phát sinh trong năm		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	80.740.201.236	80.740.201.236	850.149.186	2.722.112.126	82.612.164.176	82.612.164.176
Ngân hàng TMCP ĐT & PT Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	21.318.691.095	21.318.691.095	-	-	21.318.691.095	21.318.691.095
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	22.299.012.645	22.299.012.645	-	747.706.000	23.046.718.645	23.046.718.645
Công ty CP Đầu tư Sico	21.112.000.000	21.112.000.000	-	-	21.112.000.000	21.112.000.000
Công ty TNHH Xăng dầu Đồng Nai	260.000.000	260.000.000	-	-	260.000.000	260.000.000
Vay các cá nhân khác	15.750.497.496	15.750.497.496	292.000.000	388.789.074	15.847.286.570	15.847.286.570
Nợ dài hạn đến hạn trả (gốc thuê tài chính)	-	-	558.149.186	1.585.617.052	1.027.467.866	1.027.467.866
Vay dài hạn	605.204.248	605.204.248	-	1.148.490.000	1.753.694.248	1.753.694.248
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	605.204.248	605.204.248	-	-	605.204.248	605.204.248
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV-NH TMCP Công thương Việt Nam	-	-	-	1.148.490.000	1.148.490.000	1.148.490.000
Tổng	81.345.405.484	81.345.405.484	850.149.186	3.870.602.126	84.365.858.424	84.365.858.424

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương VN - Chi nhánh Thanh Xuân gồm các Hợp đồng vay:

Hợp đồng số 2010/HĐTD/HTSĐ/KCN ngày 14/6/2010, số tiền 12,7 tỷ đồng. Mục đích: Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây dựng dân dụng và công nghiệp. Thời hạn vay: 3 năm, lãi suất: 13.5%/ năm tại thời điểm ký HĐ. Đảm bảo tiền vay: Máy móc thiết bị thuộc dự án, TSDB bổ sung là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc dự án Yên Phong II- Bắc Ninh.

5.16 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

b. Các khoản nợ thuê tài chính

Đơn vị tính VND

Thời hạn	6 tháng năm 2016			6 tháng năm 2015		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Từ 01 năm trở xuống	-	-	-	-	-	-
Trên 1 năm đến 5 năm	1.452.104.825	50.523.575	1.401.581.250	379.193.116	92.070.616	287.122.500
Trên 5 năm	678.273.750	-	678.273.750	-	-	-
Tổng	2.130.378.575	50.523.575	2.079.855.000	379.193.116	92.070.616	287.122.500

5.17 Phải trả dài hạn khác

	30/6/2016	01/01/2016
	VND	VND
Dài hạn	1.403.200.000	1.403.200.000
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	1.403.200.000	1.403.200.000
Tổng	1.403.200.000	1.403.200.000

5.18 **Vốn chủ sở hữu**

a. **Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2015	209.500.000.000	650.501.870	(7.525.875.398)	15.964.819.495	(21.498.010.637)	197.091.435.330
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	23.265.700.872	23.265.700.872
Lỗ trong năm	-	-	-	-	23.265.700.872	23.265.700.872
Số dư tại 31/12/2015	209.500.000.000	650.501.870	(7.525.875.398)	15.964.819.495	(44.763.711.509)	173.825.734.458
Số dư tại 01/01/2016	209.500.000.000	650.501.870	(7.525.875.398)	15.964.819.495	(44.763.711.509)	173.825.734.458
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	14.941.330.457	14.941.330.457
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	14.941.330.457	14.941.330.457
Số dư tại 30/6/2016	209.500.000.000	650.501.870	(7.525.875.398)	15.964.819.495	(59.705.041.966)	158.884.404.001

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	30/6/2016 VND	01/01/2016 VND
Vốn góp của cổ đông khác	209.500.000.000	209.500.000.000
Tổng	209.500.000.000	209.500.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ hoạt động Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Kỳ hoạt động Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	209.500.000.000	209.500.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	209.500.000.000	209.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	30/6/2016 Cổ phiếu	01/01/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.950.000	20.950.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.950.000	20.950.000
Cổ phiếu phổ thông	20.950.000	20.950.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	410.500	410.500
Cổ phiếu phổ thông	410.500	410.500
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.539.500	20.539.500
Cổ phiếu phổ thông	20.539.500	20.539.500
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

e. các quỹ của Doanh nghiệp

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Các quỹ của doanh nghiệp: Quỹ đầu tư phát triển	15.964.819.495	15.964.819.495

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.19 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	-	159.262.723
Doanh thu cung cấp dịch vụ	221.291.943	2.983.928.986
Doanh thu Hợp đồng xây dựng,	4.602.763.030	18.618.493.376
Tổng	4.824.054.973	21.761.685.085

5.20 Giá vốn hàng bán

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Giá vốn hàng hóa thành phẩm	-	110.386.564
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	355.593.364	2.735.603.963
Giá vốn hợp đồng xây dựng	4.876.514.129	20.348.133.326
Tổng	5.232.107.493	23.194.123.853

5.21 Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	629.667.299	6.941.672.049
Tổng	629.667.299	6.941.672.049

5.22 Chi phí tài chính

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Chi phí lãi vay	3.484.250.779	2.325.287.589
Tổng	3.484.250.779	2.325.287.589

5.23 Chi phí khác quản lý doanh nghiệp

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Chi phí quản lý	11.417.709.597	2.438.372.338
Chi phí nhân viên quản lý	878.836.643	1.415.856.269
Chi phí vật liệu quản lý	3.299.364	24.272.728
Chi phí khấu hao TSCĐ	47.588.038	39.236.706
Thuế phí và lệ phí	4.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	309.659.691	723.398.410
Chi phí bằng tiền khác	10.174.325.861	232.608.225
<i>Trong đó: Chi phí dự phòng</i>	<i>10.000.000.000</i>	-
Tổng	11.417.709.597	2.438.372.338

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.24 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản	572.727.273	-
Bán vật tư, CCDC	-	-
Thu nhập khác	-	-
Tổng	572.727.273	-
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản	833.712.133	-
Chi phí khác	-	605.806.000
Tổng	833.712.133	605.806.000
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	(260.984.860)	(605.806.000)

5.25 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	(14.941.330.457)	139.767.354
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế (bù lỗ)	-	139.767.354
Thu nhập chịu thuế	-	-
Thuế suất thuế TNDN	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Tổng	-	-

5.26 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.299.364	393.260.726
Chi phí nhân công	1.048.820.981	6.680.443.045
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.889.184.383	2.979.422.780
Chi phí dịch vụ mua ngoài	915.489.807	5.062.050.566
Chi phí khác bằng tiền	10.374.439.337	991.631.056
Tổng	15.231.233.872	16.106.808.173

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016.

6.2 Thông tin về các bên liên quan

Giao dịch với các nhân sự chủ chốt của Công ty

		Kỳ hoạt động	Kỳ hoạt động
		từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
		VND	VND
Ban Điều hành	Lương	319.968.376	-
Tổng		319.968.376	-

Các khoản phải thu	Tính chất giao dịch	30/6/2016	01/01/2016
		VND	VND
Công ty TNHH Sico Đồng Bằng	Tiền hàng	554.258.335	554.258.335
	Cho thuê máy	4.134.545.999	4.134.545.999
	Vốn lưu động	30.136.112	30.136.112
Công ty Cổ phần Sico Yên Hoà	Vốn lưu động	14.162.728	14.162.728
Công ty Cổ phần Đầu tư Sico	Tiền hàng	4.236.979.521	4.236.979.521
	Vốn lưu động	7.019.059	743.905.967
Phùng Thu Hà	Chuyển nợ từ Công ty Toàn Phát	31.070.000.000	31.070.000.000
	Lãi vay	4.166.108.022	4.166.108.022

Các khoản phải trả	Tính chất giao dịch	30/6/2016	01/01/2016
		VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Sico	Tiền hàng	-	-
	Tiền vay	21.112.000.000	21.112.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà Đồng Nai	Tiền vay, góp vốn	25.000.000.000	25.000.000.000
	Lãi vay	2.238.197.839	2.017.683.384
	Vốn lưu động	150.000.000	150.000.000
Công ty Cổ phần Sico Yên Hoà	Tiền vay	5.400.000.000	5.400.000.000

6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ và các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.11, 5.15 và số 5.16 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi số	
	30/6/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	153.121.840	150.281.261
Phải thu khách hàng và phải thu khác	141.174.814.667	154.489.403.673
Đầu tư dài hạn	67.891.168.234	67.891.168.234
Tổng	209.219.104.741	222.530.853.168
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	81.345.405.484	84.365.858.424
Phải trả người bán và phải trả khác	119.929.946.741	120.006.765.139
Chi phí phải trả	26.412.954.353	24.049.308.342
Tổng	227.688.306.578	228.421.931.905

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không có các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó Công ty không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
30/6/2016			
Các khoản vay	80.740.201.236	605.204.248	81.345.405.484
Phải trả người bán và phải trả khác	118.526.746.741	1.403.200.000	119.929.946.741
Chi phí phải trả	26.412.954.353	-	26.412.954.353
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
01/01/2016			
Các khoản vay	82.612.164.176	1.753.694.248	84.365.858.424
Phải trả người bán và phải trả khác	118.603.565.139	1.403.200.000	120.006.765.139
Chi phí phải trả	24.049.308.342	-	24.049.308.342

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
30/6/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	153.121.840	-	153.121.840
Phải thu khách hàng và phải thu khác	141.174.814.667	-	141.174.814.667
Đầu tư dài hạn	-	67.891.168.234	67.891.168.234
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
01/01/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	150.281.261	-	150.281.261
Phải thu khách hàng và phải thu khác	154.489.403.673	-	154.489.403.673
Đầu tư dài hạn	-	67.891.168.234	67.891.168.234

6.4 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 đã được soát xét.

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Bùi Thị Thanh Hương

Chu Thị Ánh

Vũ Văn Bảy